

Số: /2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4737/TTr-STNMT ngày 04 tháng 10 năm 2024, bổ sung tại Báo cáo số 5493/BC-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2366/BC-STP ngày 01 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cá nhân có nhu cầu giao đất chưa sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

1. Giao đất để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối không quá 01 ha cho mỗi loại đất.

2. Giao đất để trồng cây lâu năm là không quá 05 ha đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 15 ha đối với các xã, thị trấn ở trung du, miền núi.

3. Giao đất để trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất không quá 15 ha cho mỗi loại đất.

(Đính kèm Phụ lục Bảng phân loại xã đồng bằng và xã trung du, miền núi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; trực tiếp xử lý hoặc báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các huyện có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tiếp nhận và giải quyết hồ sơ xin giao đất theo hạn mức giao đất tại Quyết định này và các quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng 11 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành

phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT (Sở TT&TT);
- VP: LĐ, TCD, VXNV, KTTH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền

PHỤ LỤC**Bảng phân loại xã đồng bằng và xã trung du, miền núi (tính đến thôn)
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận***(Kèm theo Quyết định số...../2024/QĐ-UBND ngày.....tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Loại Xã	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Huyện Ninh Phước	Huyện Thuận Nam	Huyện Ninh Hải	Huyện Thuận Bắc	Huyện Ninh Sơn	Huyện Bác Ái
1. Xã đồng bằng	Tất cả các phường, xã	1. Thị trấn Phước Dân 2. Xã An Hải 3. Xã Phước Hải 4. Xã Phước Hữu 5. Xã Phước Hậu 6. Xã Phước Thuận 7. Xã Phước Sơn 8. Xã Phước Vinh (thôn Phước An 1, Phước An 2) 9. Xã Phước Thái (thôn Hoài Trung, Như Bình, Thái Giao)	1. Xã Phước Nam (trừ thôn Phước Lập Tam Lang) 2. Xã Phước Dinh 3. Xã Phước Diêm 4. Xã Phước Minh 5. Xã Cà Ná 6. Xã Phước Ninh	1. Thị trấn Khánh Hải 2. Xã Hộ Hải 3. Xã Tân Hải 4. Xã Xuân Hải 5. Xã Tri Hải 6. Xã Nhơn Hải 7. Xã Thanh Hải 8. Xã Phương Hải 9. Xã Vĩnh Hải (thôn Mỹ Hoà, Thái An, Vĩnh Hy)	1. Xã Bắc Phong	1. Xã Nhơn Sơn	
2. Xã trung du, miền núi		1. Xã Phước Thái (các thôn còn lại) 2. Xã Phước Vinh (các thôn còn lại)	1. Xã Phước Nam (thôn Phước Lập Tam Lang) 2. Xã Nhị Hà 3. Xã Phước Hà	1. Xã Vĩnh Hải (thôn Cầu Gãy, Đá Hang)	1. Xã Công Hải 2. Xã Lợi Hải 3. Xã Bắc Sơn 4. Xã Phước Kháng 5. Xã Phước Chiến	1. Thị trấn Tân Sơn 2. Xã Mỹ Sơn 3. Xã Quảng Sơn 4. Xã Lương Sơn 5. Xã Lâm Sơn 6. Xã Hoà Sơn 7. Xã Ma Nới	Các xã trong huyện